

Số: *15* /2019/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *12* tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1365/TTr-SNV ngày 25 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thi hành);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, MN, TL, HP. 59

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8
năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

3. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Theo Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Đối với thôn có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có quy mô từ 600 hộ gia đình trở lên thì trong trường hợp cần thiết có thể bố trí 01 Phó Trưởng thôn, 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố. Việc bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn,

01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, cho chủ trương sau khi được sự thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Theo Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự. Nghị quyết của thôn, tổ dân phố chỉ có giá trị khi được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và không trái pháp luật.

Đối với thôn, tổ dân phố có dân số đông thì có thể tổ chức họp thôn, tổ dân phố theo từng cụm dân cư trong thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức nhiều lần họp. Trong trường hợp này thì Nghị quyết của thôn, tổ dân phố có giá trị khi tổng hợp các lần họp có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành và không trái pháp luật.

2. Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân trong thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa dùng làm nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân và là nơi cất giữ tài liệu, trưng bày tài sản chung của thôn, tổ dân phố. Chính quyền các cấp, các cơ quan Nhà nước đóng trên địa bàn có trách nhiệm tạo điều kiện để nhân dân sử dụng hợp lý các cơ sở hiện có như: Trường học, đình làng, trụ sở Ủy ban nhân dân, cơ quan Nhà nước khác... để làm nơi sinh hoạt, hội họp. Tiếp tục phát huy sự đóng góp tự nguyện của nhân dân, thực hiện phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng nơi sinh hoạt, hội họp ổn định. Đối với địa phương có điều kiện thì giao đất và hỗ trợ kinh phí xây dựng, nhân dân đóng góp trang bị phương tiện cơ sở vật chất ban đầu và tự tổ chức quản lý, bảo vệ.

Điều 8. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Theo Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Theo Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương; căn cứ quy định tại Điều 3 và Điều 8 của Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương cần nêu rõ lý do, sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; đặc điểm kinh tế xã hội, số hộ gia đình, số nhân khẩu của thôn mới, tổ dân phố mới và số hộ gia đình, số nhân khẩu còn lại của thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án bao gồm:

a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;

d) Các điều kiện khác quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

đ) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án (nêu rõ tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành Đề án).

4. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm 02 bộ hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

7. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã:

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách các thôn đề nghị chuyển thành tổ dân phố;

b) Bản sao Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã;

c) Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

d) Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố:

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giải thể thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố đề nghị giải thể trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

c) Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết giải thể thôn, tổ dân phố.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố:

a) Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố;

b) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến;

Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.

Điều 12. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo đề xin chủ trương Ủy ban nhân dân cấp huyện việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét thỏa thuận với Giám đốc Sở Nội vụ và quyết định về chủ trương ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;

b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép;

c) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

4. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần 02; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần 02, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; đồng thời gửi kết quả về Sở Nội vụ.

Chương III

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Theo Điều 11, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Theo Khoản 8, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm vụ và quyền hạn giải quyết công việc theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương IV

QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; QUY TRÌNH LỰA CHỌN CÔNG NHẬN VÀ CHO THÔI PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 15. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kết hợp tại Hội nghị thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam.

Điều 16. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng

1. Công tác chuẩn bị bầu cử

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử. Quy định cụ thể thời gian, địa điểm bỏ phiếu bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố hoặc Cấp ủy cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn, tổ dân phố) để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1-2 người).

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

d) Cử tri trong thôn, tổ dân phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Đơn ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử phải cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú, trình độ học vấn theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho Tổ bầu cử chậm nhất là 05 ngày trước ngày bầu cử.

đ) Chậm nhất là 03 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố ấn định danh sách những người ứng cử. Danh sách những người ứng cử được thông báo đến nhân dân trong thôn, tổ dân phố và niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, tổ dân phố chậm nhất là 02 ngày trước ngày bầu cử.

e) Danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc phê duyệt theo danh sách do Tổ bầu cử hoặc Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập, được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, tổ dân phố chậm nhất là 24 giờ trước ngày bầu cử.

g) Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình chỉ được thực hiện trước khi Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

h) Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Tổ bầu cử chịu trách nhiệm chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tổ bầu cử phải niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử.

Trường hợp nếu phiếu bầu chỉ ghi tên 01 người ứng cử thì phiếu gạch tên và phiếu không gạch tên người ứng cử đều là phiếu hợp lệ.

2. Tổ chức bầu cử

a) Thời điểm bắt đầu và kết thúc cuộc bỏ phiếu do Tổ bầu cử quyết định nhưng không được bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã nêu tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định, hoãn ngày bỏ phiếu (trong trường hợp thật sự cần thiết), việc tiếp tục hay không tiếp tục cuộc bỏ phiếu bị gián đoạn nêu tại Điểm c, Khoản 2 Điều này.

c) Cuộc bỏ phiếu bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu Danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nêu tại Điểm đ, Khoản 1 Điều này.

- Tổ bầu cử cử đại diện kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu.

- Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong thùng phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã biết, xử lý.

- Việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điểm e và

Điểm g, Khoản 2, Điều 8 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

d) Trình tự, thủ tục tổ chức “ngày bầu cử lại” Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (nếu có) được thực hiện theo Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Quy trình lựa chọn công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố;

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Sơ yếu lý lịch của người được giới thiệu giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Biên bản họp thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố về giới thiệu Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 18. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Quy trình cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Quy trình cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, vi phạm các quy định của cấp trên, đi khỏi nơi cư trú hoặc vì lý do khác phải thôi việc thì sau khi có ý kiến thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố. Hồ sơ gồm:

a) Biên bản hội nghị Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố;

b) Văn bản của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phạm tội bị toà án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 19. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành thống nhất trong toàn tỉnh và trong một khoảng thời gian nhất định, từ đầu tháng 02 đến tháng 3 hoặc từ tháng 8 đến tháng 9 của năm cuối nhiệm kỳ cũ.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là năm năm. Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

3. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương V

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 20. Chế độ, chính sách; đào tạo, bồi dưỡng

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; thực hiện các chế độ, chính sách

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo và được cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp xã hàng năm.



Chương VI**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Quy chế****1. Sở Nội vụ:**

a) Thẩm định việc chia tách, sáp nhập, thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; giải thể và đặt tên, xóa tên thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện Quy chế này;

c) Định kỳ tháng 12 hàng năm, gửi báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn.

c) Định kỳ tháng 11 hàng năm, gửi báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn về Sở Nội vụ.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

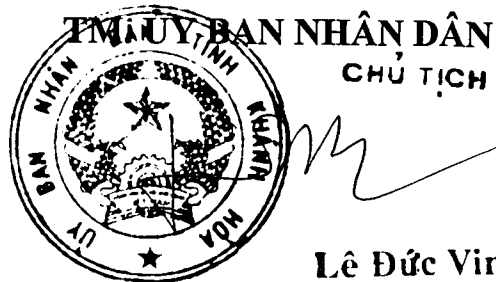
a) Quản lý, chỉ đạo, hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này;

b) Định kỳ tháng 10 hàng năm, gửi báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 23. Giải quyết tồn tại

Đối với thôn, tổ dân phố đã bố trí Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy mô số hộ gia đình quy định tại Điều 4 của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố ban hành kèm theo Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thì Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ, sau đó thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, bất hợp lý cần báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**Lê Đức Vinh**